TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí
2. Ông Lương Minh Suốt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Tô Văn Đằng - Thư ký Toà án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Văn Khải– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1994. (có mặt)
Địa chỉ: ấp Tam H, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.
- Bị đơn: Ông **Dương Hồng H**, sinh năm 1989. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Long H, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 03/7/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N và ông Dương Hồng H kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Gia H, huyện Mỹ Xuyên. Sau khi cưới bà và ông H chung sống hạnh phúc được 4 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Hiếu không lo làm ăn thường tụ tập ăn nhậu, ngoài ra ông H còn bạo lực gia đình từ đó vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014, hiện nay đang sống với bà. Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Dương Hồng H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu ông Dương Hồng H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Dương Hồng H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Dương Hồng H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Dương Hồng H không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Dương Hồng H đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Hồng H.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N; Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014; Ông Dương Hồng H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Dương Hồng H đã được cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai, nhưng ông Hiếu vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Dương Hồng H.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị N và ông Dương Hồng H là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bà Nguyễn Thị N và ông Dương Hồng H kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2014 tại UBND xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Hồng H là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, vì kể từ đầu năm 2018 đến nay bà và ông H không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, bà không còn tình cảm với ông H kể từ khi bà gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án, bà và ông H không còn liên hệ với nhau, giữa bà và ông H không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn xảy ra vào đầu năm 2018, đã hơn 01 năm nay hai bên vẫn không có thiện chí tìm cách hàn gắn đoàn tụ. Từ đó tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông H không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Dương Hồng H.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Dương Hồng H có một người con tên Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014 hiện nay con chung đang sống với bà Ngân. Bà N yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Xét thấy, khi bà N và ông H không còn chung sống với nhau cháu Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014 vẫn do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014 nghỉ nên giao cho bà N là mẹ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014 đến tuổi trưởng thành.

Ông Dương Hồng H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận**,** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được quyền ly hôn với ông Dương Hồng H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Dương Hồng T, sinh ngày 19/3/2014đến tuổi trưởng thành.

3. Ông Dương Hồng Hiếu được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009039 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà N đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn ông Dương Hồng H thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục T.H.ADS huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng KTNV&THA –TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Tùng